

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỶ SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND
V/v cung cấp tài liệu phổ biến
giáo dục pháp luật tháng 11/2024

Kỳ Sơn, ngày 01 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Trường THCS xã Kỳ Sơn;
- Trường Tiểu học Kỳ Sơn;
- Trường Mầm non xã Kỳ Sơn;
- Trạm Y tế xã Kỳ Sơn;
- Thôn trưởng 8 thôn.

Thực hiện Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác Tư pháp năm 2024 của UBND xã, Công chức Tư pháp - Hộ tịch biên soạn một số tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong tháng 11/2024 để các cơ quan, đơn vị, các thôn tuyên truyền tại đơn vị mình, cụ thể như sau:

1. Nội dung tuyên truyền:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế ở cơ quan, đơn vị, địa phương, có thể lựa chọn nội dung tuyên truyền phù hợp từ những nội dung sau:

- Một số chính sách, pháp luật có hiệu lực từ tháng 11/2024;
- Danh mục một số văn bản QPPL mới có hiệu lực từ tháng 11/2024;
(Gửi kèm theo Công văn các văn bản nêu trên)

2. Hình thức tuyên truyền:

- Tùy tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị;
- Đối với các thôn cần tăng cường tuyên truyền các nội dung phù hợp, sát với nhu cầu tìm hiểu của nhân dân qua hệ thống loa truyền thanh của thôn, qua các hội nghị của thôn để tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, nhân dân.
- Đề nghị Công chức Văn hoá xã hội xã đăng tải các văn bản kèm theo Công văn này trên Cổng thông tin điện tử xã Kỳ Sơn để cán bộ, nhân dân khai thác, tìm hiểu.

Nhận được công văn này, kính đề nghị các cơ quan, đơn vị, thôn trưởng 8 thôn quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Tư pháp;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Tuyên truyền viên pháp luật xã;
- Lưu: VT, TP.

Đề BC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lam Hồng

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC
TỪ THÁNG 11/2024**

Trong tháng 11/2024 09 Nghị định, 02 Quyết định, 17 Thông tư chính thức có hiệu lực, sau đây là một số văn bản, chính sách quan trọng liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và liên quan mật thiết đến đời sống của Nhân dân:

1. Nghị định 118/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự

Theo đó, kết quả lao động của phạm nhân là phần chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động tổ chức lao động, học nghề của phạm nhân sau khi trừ các chi phí hợp lý. Trong đó, việc sử dụng kết quả lao động, học nghề của phạm nhân trong chỉ tiêu, định mức được giao như sau:

- Trích 14% để bổ sung mức ăn cho phạm nhân
- Trích 02% lập Quỹ hòa nhập cộng đồng để chi tư vấn, hỗ trợ cho phạm nhân khi chấp hành xong án phạt tù.
- Trích 10% chi trả một phần công lao động cho phạm nhân tham gia lao động. Phạm nhân được chi trả một phần công lao động theo kỳ xếp loại quý.
- Trích 02% chi hỗ trợ cho phạm nhân bị tai nạn lao động. Mức chi hỗ trợ do Giám thị quyết định nhưng không quá 05 lần định lượng ăn trong một tháng cho mỗi phạm nhân tại thời điểm bị tai nạn.
- Trích 27% bổ sung Quỹ phúc lợi, khen thưởng của trại giam, trong đó:
 - + Trích 16% bổ sung Quỹ phúc lợi của trại giam để thực hiện các hoạt động: Hỗ trợ cho phạm nhân tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; hỗ trợ phạm nhân khi bị bệnh, gặp rủi ro, khi điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với mức hỗ trợ tối đa không quá 05 lần định mức chi trả một phần công lao động cho phạm nhân trong quý đó, một năm chỉ hỗ trợ một lần; hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ của trại giam có hoàn cảnh khó khăn, khi bị bệnh, gặp rủi ro, tai nạn lao động hoặc điều trị tại các cơ sở y tế với mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tháng lương bình quân theo cấp bậc hàm toàn đơn vị, mỗi năm chỉ hỗ trợ một lần; tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho cán bộ, chiến sĩ và hỗ trợ các hoạt động phúc lợi khác của trại giam.
 - + Trích 09% bổ sung Quỹ khen thưởng của trại giam để thực hiện các hoạt động: Thưởng cho những phạm nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình chấp

hành án, mức thưởng không vượt quá 2.000.000 đồng/lần/phạm nhân; thưởng cho phạm nhân có thành tích trong lao động, học nghề (kết quả lao động vượt chỉ tiêu, định mức), mức thưởng bằng một phần hai giá trị ngày công lao động vượt chỉ tiêu, định mức; thưởng, sử dụng để trích thưởng cho cán bộ, chiến sĩ của trại giam có thành tích trong việc quản lý tổ chức lao động, giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân, tổng mức tiền chi thưởng chung tối đa một năm đối với cán bộ, chiến sĩ không vượt quá 02 tháng lương theo cấp bậc hàm của toàn đơn vị.

+ Trích 02% nộp về Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (đối với trại giam do Bộ Công an quản lý), Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng (đối với trại giam do Bộ Quốc phòng quản lý) làm quỹ hỗ trợ các hoạt động quản lý, tổng kết, sơ kết, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thao, hội diễn và hợp tác quốc tế.

- Trích 45% chi hỗ trợ đầu tư trở lại cho trại giam phục vụ việc tổ chức lao động, giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân; nâng cao tay nghề cho phạm nhân chuẩn bị chấp hành xong án phạt tù, trong đó:

+ Trích 35% tạo nguồn vốn chung đầu tư trở lại cho các trại giam, phục vụ giáo dục, lao động dạy nghề, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, công cụ và xây dựng cơ sở vật chất.

+ Trích 10% đào tạo dạy nghề và bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho phạm nhân.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/11/2024

2. Nghị định 117/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 82/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Cụ thể, trong nội dung bổ sung về “thi hành các biện pháp xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả”, đối với các hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó thì thực hiện như sau:

- Nếu tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt VPHC có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung mà giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động này vẫn đang bị người có thẩm quyền tạm giữ

theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 125 [Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012](#), thì:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi văn bản đề nghị kèm theo quyết định xử phạt, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó;

- Nếu vụ việc không thuộc trường hợp trên thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động trong thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Lưu ý: Các biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó; buộc nộp lại bản chính giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ, văn bản đó và hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung không áp dụng trong trường hợp các loại giấy tờ nêu trên được cấp và lưu trữ bằng bản điện tử.

Trong trường hợp này, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ, văn bản đó để xử lý theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/11/2024.

3. Nghị định 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

Theo đó, điều kiện cho phép trường mầm non hoạt động giáo dục như sau:

(1) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và phải bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một trẻ em theo quy định.

(2) Có chương trình giáo dục, tài liệu, học liệu đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(3) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động bảo đảm về số lượng, đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(4) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:

- Đối với trường mầm non tư thục, mức đầu tư ít nhất là 30 triệu đồng/trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn. (quy định mới)

Đối với trường hợp trường mầm non tư thục không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% mức đầu tư quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định 125/2024/NĐ-CP ;

- Đối với trường mầm non công lập, dân lập, nguồn lực tài chính do cơ quan quản lý có thẩm quyền hoặc cộng đồng dân cư ở cơ sở chịu trách nhiệm bảo đảm nhằm đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

(5) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20/11/2024.

4. Nghị định 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Theo đó, quy định về điều kiện thành lập hội như sau:

(1) Tên gọi của hội đảm bảo các điều kiện sau:

- Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

- Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội;

- Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;

- Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

(2) Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

(3) Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.

(4) Có điều lệ, trừ hội quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định 126/2024/NĐ-CP .

(5) Có trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 126/2024/NĐ-CP .

(6) Có đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác:

- Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội hoạt động trong phạm vi huyện có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 10 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hiệp hội của các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi toàn quốc có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có ít nhất 11 đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

(7) Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội. (Điểm mới)

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 26/11/2024.

5. Nghị định 129/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về công bố đủ điều kiện sản xuất chế phẩm như sau:

- Trước khi thực hiện sản xuất chế phẩm, người đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất gửi hồ sơ công bố bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Điều 7 Nghị định 91/2016/NĐ-CP đến Sở Y tế nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu điện. Cơ sở được sản xuất chế phẩm sau khi Sở Y tế công khai các thông tin được quy định trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở sản xuất, Sở Y tế có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi về Bộ Y tế các thông tin: tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của cơ sở sản xuất;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi về tên, địa chỉ thì cơ sở sản xuất có trách nhiệm gửi thông báo việc thay đổi đến Sở Y tế nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở;...

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở khảo nghiệm, Sở Y tế có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi Bộ Y tế các thông tin: tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của cơ sở khảo nghiệm; danh mục các quy trình khảo nghiệm mà cơ sở khảo nghiệm công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi về tên, địa chỉ, danh mục các quy trình khảo nghiệm mà cơ sở có khả năng thực hiện thì cơ sở khảo nghiệm có trách nhiệm gửi thông báo việc thay đổi đến Sở Y tế nơi cơ sở đặt trụ sở;...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 30/11/2024

6. Nghị định 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã

Nghị định nêu rõ căn cứ lĩnh vực hoạt động, hợp tác xã được phân loại theo quy mô lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ trên cơ sở tiêu chí số lượng thành viên chính thức và một trong hai tiêu chí doanh thu hoặc tổng nguồn vốn, như sau:

(1) Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

- Hợp tác xã quy mô lớn có từ 300 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 50 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô vừa có từ 200 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 10 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 05 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 50 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 02 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 01 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc các loại hợp tác xã trên.

(2) Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Hợp tác xã quy mô lớn có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 80 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô vừa có từ 50 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 15 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 20 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 02 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc các loại hợp tác xã trên.

(3) Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

- Hợp tác xã quy mô lớn có từ 1.000 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 200 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô vừa có từ 500 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 100 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 50 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên.

Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc các loại hợp tác xã trên.

(4) Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác

- Hợp tác xã quy mô lớn có từ 200 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 100 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô vừa có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 20 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 05 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 02 tỷ đồng trở lên.

- Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc các loại hợp tác xã trên.

Nghị định nêu rõ trường hợp hợp tác xã thỏa mãn các tiêu chí phân loại quy mô hợp tác xã ở nhiều mức khác nhau thì quy mô hợp tác xã được xác định theo mức quy mô lớn nhất.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

7. Quyết định 2373/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo đó, thủ tục, hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

(1) Trình tự thực hiện:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi 01 bộ Hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác có địa chỉ giao dịch, nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

(2) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp;
- Qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (khi được xây dựng xong) / Công Dịch vụ công quốc gia.

(3) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ bao gồm:

- Đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ trong đó có nội dung cam kết không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Hợp tác xã 2023, không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024;

- Bản sao tài liệu, hồ sơ liên quan thể hiện sự phù hợp các tiêu chí thụ hưởng theo quy định:

Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

+ Tài liệu, hồ sơ chứng minh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đáp ứng một (bắt buộc) hoặc nhiều (nếu có) tiêu chí sau, cụ thể:

Số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

Tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật Hợp tác xã 2023 trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tăng giá trị tài sản chung không chia trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

Có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với các khóa học do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

+ Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thụ hưởng khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có giá trị từ 03 tỷ đồng trở lên thì phải có Báo cáo tài chính năm trước liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

Đối với tổ hợp tác:

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
+ Tài liệu, hồ sơ chứng minh tổ hợp tác đáp ứng một tiêu chí (bắt buộc) hoặc nhiều tiêu chí (nếu có), cụ thể:

Số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

Có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do tổ hợp tác tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có xác nhận của tổ hợp tác (đối với các khóa học do tổ hợp tác tự tổ chức, thì tổ hợp tác phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

Đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ nêu trên.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/11/2024.

8. Quyết định 2761/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi, bổ sung 02 TTHC lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ, gồm:
 - Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam;
 - Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

2. Căn cứ sửa đổi, bổ sung các TTHC lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ nêu trên:

- Thông tư 13/2021/TT-BGDĐT;
- Thông tư 07/2024/TT-BGDĐT.

3. Thành phần hồ sơ TTHC Công nhận bằng cử nhân do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sau khi sửa đổi bao gồm:

- Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp;
- Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng việt;
- Bản sao phụ lục văn bằng hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng việt;
- Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp (nếu có);
- Minh chứng thời gian học ở nước ngoài (nếu có): Quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động; hộ chiếu, các trang thị thực có visa, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học hoặc giấy tờ chứng minh khác;
- Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng (nếu đơn vị yêu cầu).

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02/11/2024.

9. Thông tư 46/2024/TT-BCA của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 67/2019/TT-BCA ngày 28/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Theo đó, Thông tư 46/2024/TT-BCA đã sửa đổi quy định tại Điều 11 Thông tư 67/2019/TT-BCA về hình thức giám sát của nhân dân trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Cụ thể, từ ngày 15/11/2024, nhân dân được giám sát thông qua các hình thức sau:

- Tiếp cận thông tin công khai của lực lượng công an và trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Qua các chủ thể giám sát theo quy định của pháp luật;
- Tiếp xúc, giải quyết trực tiếp công việc với cán bộ, chiến sĩ;
- Kết quả giải quyết các vụ việc, đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
- Quan sát trực tiếp công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Trong đó, việc giám sát phải đảm bảo các điều kiện gồm:

- Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cán bộ, chiến sĩ khi đang thực thi nhiệm vụ
- Không vào khu vực thực thi công vụ trừ người có quyền và nghĩa vụ liên quan.
- Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/11/2024

10. Thông tư 70/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước

Dự toán thu, chi hằng năm của chủ đầu tư, BQLDA

- Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt 01 dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện quản lý, sử dụng. Trường hợp lập dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng, cần xác định rõ các nội dung chi của chủ đầu tư và các nội dung chi của BQLDA.

- Hằng năm, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ thời gian thực hiện dự án, hình thức tổ chức quản lý dự án, quy mô và đặc điểm công việc quản lý dự án, các chế độ chính sách có liên quan để xác định chi phí quản lý dự án của từng dự án cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ, công việc quản lý dự án trong năm và chịu trách nhiệm về nội dung này. Các khoản thu từ chi phí của dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào vốn của dự án đó.

Chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức, thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

Dự toán thu, chi hằng năm được lập theo quy định tại Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư 70/2024/TT-BTC .

Cơ sở lập dự toán thu, chi hàng năm của chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn NSNN

Theo đó, việc lập dự toán thu, chi dựa vào các cơ sở sau:

Quyết định thành lập BQLDA theo quy định của pháp luật.

Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự toán.

Nguồn thu quy định tại Điều 2, Điều 6 Thông tư 70/2024/TT-BTC . Trường hợp đến thời điểm lập dự toán chưa xác định được cụ thể, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ vào tình hình thực tế để dự kiến nguồn thu và chịu trách nhiệm về nội dung này.

- Các quy định về trích chi phí hiện hành.
- Bảng tính lương năm của từng người lao động tham gia quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư 70/2024/TT-BTC .
- Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với chủ đầu tư, BQLDA.
- Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được xây dựng, ban hành theo đúng quy định của pháp luật.
- Các căn cứ khác của dự án (nếu có).

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/11/2024.

11. Thông tư 48/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Theo đó, quy định về lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

- Tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức và cá nhân không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ và đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.
- Tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên của tổ chức và cá nhân trên cơ sở cung cầu vốn thị trường.
- Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam quy định tại Thông tư 48/2024/TT-NHNN bao gồm cả khoản chi khuyến mại dưới mọi hình thức, áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ và các phương thức trả lãi khác được quy đổi theo phương thức trả lãi cuối kỳ.

- Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng và đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng.

Tổ chức tín dụng khi nhận tiền gửi không được thực hiện khuyến mại dưới mọi hình thức (bằng tiền, lãi suất và các hình thức khác) không đúng với quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/11/2024.

12. Thông tư 21/2024/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh

Trong đó, trách nhiệm tham gia thị trường điện của đơn vị phát điện được quy định như sau:

- Nhà máy điện có giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, có công suất đặt lớn hơn 30 MW đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; các nhà máy thủy điện có công suất từ 10 MW trở lên khi hết hạn hợp đồng mua bán điện theo chi phí tránh được (bao gồm cả bậc thang); các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo không phải thủy điện hết hạn hợp đồng theo các cơ chế giá khuyến khích, ưu đãi của nhà nước có công suất từ 10 MW trở lên; nhà máy điện BOT hết hợp đồng và chuyển giao về Việt Nam; các nhà máy điện năng lượng tái tạo theo quy định tại Nghị định 80/2024/NĐ-CP qua lưới điện quốc gia bắt buộc tham gia thị trường điện.

Các đơn vị phát điện sở hữu các nhà máy điện trên có trách nhiệm hoàn thành thủ tục đăng ký và trực tiếp tham gia thị trường điện, trừ các nhà máy điện được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 21/2024.

- Nhà máy điện có công suất đặt đến 30 MW đấu nối lưới điện cấp điện áp từ 110 kV trở lên (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư 21/2024), nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo không phải thủy điện có công suất đặt từ 10 MW trở lên, nhà máy điện thuộc khu công nghiệp chỉ bán một phần sản lượng điện lên hệ thống điện quốc gia được quyền lựa chọn trực tiếp tham gia thị trường điện. Trường hợp lựa chọn trực tiếp tham gia thị trường điện, nhà máy điện có trách nhiệm:

+ Chuẩn bị cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 21/2024;

+ Hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký tham gia thị trường điện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 21/2024;

+ Tuân thủ các yêu cầu đối với đơn vị phát điện tham gia thị trường điện theo quy định tại Thông tư 21/2024 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/11/2024

13. Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi các Thông tư giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Theo đó, tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 68/2024/TT-BTC đã bổ sung Điều 9a vào Điều 9 của Thông tư 120/2020/TT-BTC quy định về giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức như sau:

- Công ty chứng khoán thực hiện đánh giá rủi ro thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức để xác định mức tiền phải có khi đặt lệnh mua cổ phiếu (nếu có) theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán đủ tiền cho giao dịch mua cổ phiếu, nghĩa vụ thanh toán giao dịch thiếu tiền được chuyển cho công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh thông qua tài khoản tự doanh, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư 120/2020/TT-BTC .

- Công ty chứng khoán được chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm q1 khoản 2 Điều 6 Thông tư 119/2020/TT-BTC hoặc bán thỏa thuận trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu đã chuyển về tài khoản tự doanh của mình cho nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 120/2020/TT-BTC , chậm nhất vào ngày giao dịch liền kề sau ngày cổ phiếu được hạch toán vào tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán và đảm bảo không làm vượt quá hạn mức tối đa về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật đối với cổ phiếu đó.

Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư 120/2020/TT-BTC được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

- Ngoại trừ giao dịch được quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư 120/2020/TT-BTC , công ty chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu đã chuyển về tài khoản tự doanh.

Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 9 Thông tư 120/2020/TT-BTC được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

- Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mở tài khoản lưu ký chứng khoán chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch thiếu tiền và các chi phí phát sinh (nếu có) trong trường hợp xác nhận sai số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức với công ty chứng khoán dẫn tới thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 02/11/2024

14. Thông tư 53/2024/TT-BQP quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Đối tượng điều chỉnh của Thông tư 53/2024/TT-BQP bao gồm:

(1) Quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010.

(2) Quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

(3) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Tăng 15% mức trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

Theo Thông tư 53/2024/TT-BQP điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2024 đối với đối tượng quy định tại (1) và (2), theo công thức sau:

Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ tháng 7/2024 = Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng tại thời điểm tháng 6/2024 x 1,150

Mức trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng trên sau khi đã được điều chỉnh tăng thêm, cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 2.628.000 đồng/tháng;

- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 2.746.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 2.868.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.988.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 3.105.000 đồng/tháng.

Thông tư cũng nêu rõ, kinh phí thực hiện điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng quy định trên do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chi trả cho đối tượng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024

15. Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

Theo đó, chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập bao gồm 03 hạng sau đây:

- Viên chức tư vấn học sinh hạng III - Mã số: V.07.07.24.
- Viên chức tư vấn học sinh hạng II - Mã số: V.07.07.23.
- Viên chức tư vấn học sinh hạng I - Mã số: V.07.07.22.

Đồng thời, tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập như sau:

- Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành;
- Trung thực, khách quan, có ý thức trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm. Giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự, uy tín của viên chức; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp và học sinh;
- Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; biết lắng nghe, cảm thông, chia sẻ, bảo mật thông tin cá nhân và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của học sinh;
- Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của pháp luật.

Ngoài tiêu chuẩn chung về đạo đức, quy định mới cũng đã quy định các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cụ thể đối với từng hạng.

Quy định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh

Theo đó, việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh thực hiện như sau:

- Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng III (mã số V.07.07.24) đối với viên chức được tuyển dụng vào vị trí việc làm viên chức tư vấn học sinh và đáp ứng yêu cầu về tập sự theo quy định hoặc công chức, viên chức khác đang làm công tác tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

- Viên chức tư vấn học sinh hạng III (mã số V.07.07.24) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng II (mã số V.07.07.23) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh từ hạng III lên hạng II hoặc công chức, viên chức khác có ngạch, hạng tương đương chuyển sang làm công tác tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

- Viên chức tư vấn học sinh hạng II (mã số V.07.07.23) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh hạng I (mã số V.07.07.22) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tư vấn học sinh từ hạng II lên hạng I hoặc công chức, viên chức khác có ngạch, hạng tương đương chuyển sang làm công tác tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 04/11/2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ SƠN

